TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 494/2026/HC-PT
Ngày 29 tháng 4 năm 2026
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 4 năm 2026, Tòa Phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 134/2026/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 36/2025/HC-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 752/2026/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là xã K, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A - A đường số B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Minh N là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Minh N và bà Lưu Vũ N1 là Luật sư của Công ty L đều thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh C; Địa chỉ: Số B đường H, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là phường T, tỉnh Cà Mau), có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh C: Ông Huỳnh Thanh D – Phó Giám Đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C, có mặt; Ông Lê Văn M – Phó trưởng phòng quản lý đất đai – Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh C, có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện U và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Cà Mau), có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND xã K, tỉnh Cà Mau: Ông Trần Thanh T1 – Trưởng phòng kinh tế xã K, có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn T – Là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/11/2024 ông Đỗ Văn T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện diện theo ủy quyền của ông Đỗ Văn T trình bày:

Thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (viết tắt Chủ tịch UBND huyện U) đã ban hành Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 thu hồi diện tích đất 401,3m^2 của ông Đỗ Văn T và ban hành Quyết định số: 914/QĐ-UBND ngày 09/3/2023; Quyết định số: 3022/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; Quyết định số: 2529/QĐ-UBND ngày 30/7/2024 bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà ở, công trình, cây trồng trên đất cho ông Đỗ Văn T bằng số tiền 483.237.734 đồng.

Ngày 26/01/2024, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 332/QĐ-UBND thu hồi phần đất kênh xáng lộ xe đang do ông Đỗ Văn T sử dụng, diện tích đất thu hồi là 329,8m^2 và ban hành Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 để hỗ trợ công đào đắp bằng số tiền 116.284.620 đồng, phần đất thu hồi. Tuy nhiên, theo Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U thì ông Đỗ Văn T không được bồi thường về đất.

Không thống nhất với việc thu hồi đất Kênh xáng lộ xe mà không được bồi thường về đất nên ông Đỗ Văn T cùng với nhiều hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đã khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND huyện U ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024, không chấp nhận nội dung khiếu nại.

Ngày 23/10/2024, Chủ tịch UBND huyện U đã ban hành Quyết định số: 3679/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với ông Đỗ Văn T. Ông Đỗ Văn T cùng với các hộ dân tiếp tục khiếu nại việc thu hồi đất "Kênh xáng lộ xe" lên Ủy ban nhân dân tỉnh C.

Ngày 24/10/2024, Chủ tịch UBND tỉnh C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2091/QĐ-UBND, kết quả đã giữ y Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U.

Do đó, ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 và Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U về việc thu hồi đất; Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại và Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh C.

Ông Đỗ Văn T cho rằng, UBND huyện U thu hồi phần đất 401,3m^2 theo Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 là ông đồng ý nhưng việc bồi thường về đất với giá 782.000 đồng/m^2 là thấp mà phải được bồi thường với giá 1.500.000 đồng/m^2. Trên phần đất có 02 căn nhà do ông Đỗ Văn T sử dụng, ông T đồng ý với kết quả bồi

thường, còn lại một căn nhà của bà Đỗ Hằng N2, ông Đỗ Hoài N3 (bà Đỗ Hằng N2 là con ông Đỗ Văn T) đang sử dụng áp giá bồi thường quá thấp nên không đồng ý. Đối với phần đất 329,8m^2 thu hồi theo Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 UBND huyện U Minh xác định đất giao thông công cộng nên chỉ hỗ trợ công đào đắp bằng 116.284.620 đồng nên ông không đồng ý vì phần đất này có nguồn gốc do ông bà khai phá và ông đã được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1995 nên phải được bồi thường hỗ trợ về đất theo qui định chung.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện U và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U có ý kiến:

Phần đất của ông Đỗ Văn T tại ấp A, xã K, huyện U đã được UBND huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E082486 ngày 20/5/1995 với diện tích 14.700m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện U gia hạn sử dụng đất đến ngày 20/5/2065 nhưng việc gia hạn trên được xác định là không đúng qui định của pháp luật. Vì năm 1997, thực hiện chủ trương xây dựng tuyến lộ U - K đã được nhân dân đồng tình và hiến đất đào kênh để lấy đất đắp nền đường, nên Nhà nước không ban hành Quyết định thu hồi đất và không thực hiện bồi thường về đất. Từ năm 1997 đến nay, hồ sơ quản lý đất đai dọc theo tuyến lộ U - Khánh Hội đã qua 04 lần lập lại bản đồ địa chính vào các năm 2002, 2003, 2011 và bản đồ năm 2021 để cập nhật, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính đảm bảo các yếu tố nội dung bản đồ phù hợp với hiện trạng sử dụng, quản lý đất theo thời gian theo qui định của Luật Đất đai năm 1993 và xây dựng tổng thể hệ thống hồ sơ địa chính tỉnh Cà Mau.

Trên các loại bản đồ đã lập thì phần lộ xe và đất kênh xáng lộ xe được xác định là đất giao thông công cộng do Nhà nước quản lý, đã được cắm mốc và cũng đã trải qua nhiều thời kỳ, nhiều chính sách pháp luật về đất đai. Từ đó, khi người dân thực hiện giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được căn cứ vào các bản đồ địa chính sau năm 1997 và hiện trạng sử dụng đất đã được chỉnh lý biến động đất đai, trừ phần đất lộ xe và kênh xáng lộ xe ra khỏi phần đất của người sử dụng đất để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ địa chính. Nhưng qua tất cả các lần thực hiện chỉnh lý đất đai, lập lại bản đồ địa chính Ủy ban nhân dân huyện U và các cơ quan chức năng đã thông báo rộng rãi cho các hộ dân trên tuyến thực hiện việc cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng hiện trạng. Hầu hết các hộ dân đã thực hiện việc chỉnh lý, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng hộ gia đình ông Đỗ Văn T không thực hiện. Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K đã được phê duyệt thì phần đất kênh xáng lộ xe được xác định là đất giao thông công cộng nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất.

Đối với phần đất 329,8m^2 thu hồi của ông Đỗ Văn T, hiện nay phần đất này vẫn còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đỗ Văn T. Tuy nhiên, phần đất trên nằm trong diện tích đất mà ông Đỗ Văn T đã hiến cho Nhà nước từ năm 1997 nhưng ông Đỗ Văn T không đến cơ quan nhà nước thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo quy định tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 thì hộ gia đình cá nhân phải thực hiện kê khai, đăng ký biến động và cấp lại GCNQSD đất đúng theo hiện trạng sử dụng và Luật Đất đai 1993) và phần đất này được xác định là đất giao thông công cộng do Nhà nước quản lý nên không đủ điều kiện để bồi thường về đất cho ông Đỗ Văn T.

Đối với việc bồi thường về nhà và tài sản trên đất theo Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 thì khi lập dự án đã thực hiện việc khảo sát giá thị trường có sự chênh lệch về giá (gấp 25 lần) so với giá bồi thường được qui định tại Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh C nên phương án bồi thường được lập với giá trị bồi thường về đất bằng 782.000 đồng/m^2 (giá bồi thường theo Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 là 30.000 đồng/m^2) và phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số: 3010/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh C.

Từ đó, Chủ tịch UBND huyện U ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 và Quyết định số: 3679/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế giao đất là có căn cứ pháp luật nên không chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C có ý kiến:

Việc giải quyết khiếu nại đối với ông Đỗ Văn T là đúng qui định của pháp luật. Các nội dung, yêu cầu của ông Đỗ Văn T trong việc khiếu nại, khiếu kiện là không có căn cứ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện rút lại phần nội dung khởi kiện liên quan đến yêu cầu về bồi thường phần căn nhà của bà Đỗ Hằng N2, ông Đỗ Hoài N3, các nội dung khởi kiện còn lại giữ nguyên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 36/2025/HC-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30; 32; 116; điểm h, b khoản 1 Điều 143; 193; 348 của Luật tố tụng hành chính; các Điều 74, 75; 76, 82, 157 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc hủy Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 và Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U về việc thu hồi đất; Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại; Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh C.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với việc bồi thường giá trị căn nhà của ông Đỗ Hoài N3, bà Đỗ Hằng N2; về miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Đỗ Văn T và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 22/9/2025, người khởi kiện ông Đỗ Văn T kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các quyết định sau đây: Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc thu hồi phần đất có diện tích 401,3m^2; Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U về việc thu hồi 329,8m^2 đất (Phần kênh xáng lộ xe) để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Quyết định số: 941/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc bồi thường đối với phần diện tích 401,3m^2 đất lúa, đơn giá 782.000 đồng/m^2; Quyết định số: 406/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện U, tỉnh

Cà Mau về việc hỗ trợ công đào đắp (116.284.620 đồng); Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 40 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 34 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất; Tuyên buộc Ủy ban nhân dân huyện U, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (nay thuộc trách nhiệm của UBND xã K và Chủ tịch UBND xã K); Chủ tịch UBND tỉnh C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, cưỡng chế thu hồi đất của tôi (Đỗ Văn T).

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T có ý kiến: Ông T rút một phần kháng cáo về việc yêu cầu hủy Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Ông T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các quyết định: Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc thu hồi phần đất có diện tích 401,3m^2; Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U về việc thu hồi 329,8m^2 đất (Phần kênh xáng lộ xe) để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Quyết định số: 941/QĐ-UBND ngày 09/3/2023 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc bồi thường đối với phần diện tích 401,3m^2 đất lúa, đơn giá 782.000 đồng/m^2; Quyết định số: 406/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc hỗ trợ công đào đắp (116.284.620 đồng); Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 40 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 34 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K; Tuyên buộc UBND huyện U, Chủ tịch UBND huyện U (nay thuộc trách nhiệm của UBND xã K và Chủ tịch UBND xã K); Chủ tịch UBND tỉnh C thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật liên quan đến việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, khi thu hồi đất của ông Đỗ Văn T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Lưu Vũ N1 có ý kiến: Phần đất của ông T sử dụng liên tục, không đồng ý xác định là đất do dân hiến, nên UBND huyện U Minh xác định đất của ông T là đất giao thông là trái với quy định của pháp luật. Trên thực tế vào năm 2009 UBND tỉnh C mới công bố quyết định xác định hành lang lộ giới, cho nên người dân đang sử dụng đất trước khi nhà nước công bố hành lang lộ giới thì phải được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Đối với Quyết định số 408 về việc bồi thường kênh xáng lộ xe là không đúng, cụ thể chỉ bồi thường 75% là chưa phù hợp; đối với Quyết định số 786 thì ông T không đồng ý việc áp giá bồi thường là đất lúa vì trước đây thửa đất số 20 của ông T có 03 loại đất nhưng khi bồi thường chỉ được áp dụng giá đất lúa là chưa đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông T; Đối với Quyết định số 914 về việc xác định giá đất bồi thường không phù hợp với giá đất thị trường là 1.500.000 đồng/m^2. Do đó, ông T yêu cầu xác định lại giá đất bồi thường theo giá trị

trường; Đối với các Quyết định giải quyết khiếu nại số 2241 và 2091, người bị kiện chưa xem xét chứng cứ do người khởi kiện cung cấp nhưng ban hành quyết định giải quyết khiếu nại bác đơn khiếu nại của ông T là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, hủy các Quyết định số 786, 332, 914, 408, 2244, 2091. Buộc UBND xã K thực hiện nhiệm vụ công vụ về bồi thường, hỗ trợ cho ông T theo đúng quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Lê Minh N bổ sung ý kiến: Thửa đất của ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 và được gia hạn đến năm 2065. Bản án sơ thẩm xác định đất của ông T là đất lúa là không đúng; về giá đất theo thời điểm năm 2023 là không đúng; về hỗ trợ 75% đất khi thu hồi là không đúng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện U và Chủ tịch UBND huyện U (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND xã K) có ý kiến: Toàn tuyến U - K được nhân dân đồng ý hiến đất để làm kênh xáng lộ xe. Khi làm kênh xáng lộ xe có họp dân; đến năm 2003 có đo đạc lại xác định mặt lộ xe 8m - 12,5m. Vào năm 1999, có tổng cộng 983 hộ dân ảnh hưởng do làm kênh xáng lộ xe nhưng chỉ có 08 trường hợp khiếu nại, trong đó có 01 trường hợp đã rút đơn và 06 trường hợp đã giải quyết xong. Đến năm 2003, đo đạc theo bản đồ địa chính, ông T có kê khai lại ngày 18/3/2003 để cấp đổi lại đất và có thể hiện trừ phần hiến đất để làm kênh xáng lộ xe nhưng sau đó ông T không thực hiện việc cấp đổi lại giấy; đến ngày 05/7/2020 ông T tiếp tục có ký đơn để đo đạc lại. Trên thực tế qua các lần đo đạc các thửa đất 40, 49, 101 của ông T là đất ở + đất lúa.

Đất kênh xáng lộ xe là do dân hiến đất để làm nên không thuộc trường hợp bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, tuy nhiên UBND thấy được người dân đã có công sức trong việc san lấp phần kênh xáng nên căn cứ theo Thông báo kết luận số 1413 của Ủy ban nhân dân tỉnh C đồng ý chủ trương cho hỗ trợ 75% vì vậy UBND huyện U ban hành Thông báo số 3240 thông báo giá hỗ trợ.

Đối với quyết định thu hồi tại thửa 101 là đất trồng lúa nên ông T yêu cầu bồi thường đất ở là chưa có căn cứ vì phần đất ở của ông T thuộc thửa 40 tiếp giáp với sông Đ không bị thu hồi.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh C có ý kiến: Năm 1995, cấp quyền sử dụng đất đồng loạt cho các hộ dân. Đến năm 1997, múc kênh xáng phía sau được nhân dân đồng tình vì công trình là nhà nước đầu tư và đất thì dân tự nguyện hiến đất nên không đủ điều kiện để bồi thường; Năm 2002-2003, khi đo đạc lại đã trừ phần đất kênh xáng lộ xe ra, tuy nhiên việc đổi sổ đỏ là do người dân phải nộp sổ mới cấp đổi, nhà nước không thu hồi sổ đỏ của dân, trường hợp của ông T do ông không nộp sổ để cấp đổi nên chưa trừ diện tích đất là kênh xáng lộ xe. Việc Văn phòng đăng ký đất đai gia hạn thời gian sử dụng đất cho ông T không đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Người khởi kiện ông Đỗ Văn T kháng cáo trong hạn luật định nên đủ điều kiện xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên toà, người khởi kiện rút một phần kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần rút kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn T.

Đối với phần kháng cáo của ông T thấy rằng, Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở. Người khởi kiện ông T kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người bị kiện UBND huyện U, Chủ tịch UBND huyện U và Chủ tịch UBND tỉnh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người bị kiện theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện ông Đỗ văn T rút kháng cáo đối với Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất. Do đó, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của ông T yêu cầu hủy Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất, theo quy định tại khoản 3 Điều 229 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số: 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì các vấn đề về thu hồi đất, bồi thường do thu hồi đất, cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất... thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện chuyển giao cho Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện; tại Hướng dẫn ở mục 2 Công văn số: 285/TANDTC-PC ngày 31/7/2025 của Tòa án nhân dân tối cao thì trong trường hợp vụ án đã thụ lý trước ngày 01/7/2025 thì Tòa án xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các trường hợp nêu trên là Chủ tịch UBND cấp xã. Do đó, Chủ tịch UBND xã K được xác định là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện U và Chủ tịch UBND huyện U tham gia tố tụng để giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Người khởi kiện ông Đỗ Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các quyết định: Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện U; Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U; Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Riêng đối với Quyết định số: 914/QĐ-UBND ngày 09/3/2023; Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện U về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đỗ Văn T là quyết định hành chính có liên quan nên được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khởi kiện:

Các Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024; Quyết định số: 914/QĐ-UBND ngày 09/3/2023; Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của UBND huyện U được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 và Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;

Các Quyết định số 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc giải quyết khiếu nại lần hai được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 18 và mục 2 Chương III Luật khiếu nại năm 2011; Điều 21 và mục 3 Chương III Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Về căn cứ ban hành quyết định hành chính:

[4.1] Ngày 22/10/2021, UBND tỉnh C ban hành Quyết định số: 2256/QĐ-UBND về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K và ngày 02/12/2021, UBND tỉnh C ban hành Quyết định số: 2682/QĐ-UBND phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K.

Theo biên bản kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình ông Đỗ Văn T bị ảnh hưởng bởi Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K địa bàn xã K với diện tích 401,3m^2 đất lúa, trên đất có nhà ở, công trình phụ và vật kiến trúc trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0082486 do UBND huyện U cấp ngày 20/5/1995 đứng tên ông Đỗ Văn T.

Ngày 01/3/2023, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 786/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất 401,3m^2 đất trồng lúa thuộc một phần thửa 68, tờ bản đồ địa chính số 12 được xác định tại thửa 20, 21, 39 tờ bản đồ số 1 Mảnh trích đo địa chính số 40-2022 tỷ lệ 1/500 tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 06/7/2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C ký duyệt ngày 05/5/2022.

Người khởi kiện ông T cho rằng phần đất thu hồi tại Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện U gồm 03 thửa đất trong đó có đất ở và đất trồng lúa nhưng việc bồi thường chỉ xác định đất trồng lúa là không đúng. Xét lời nại ra của ông T là chưa có căn cứ để chấp nhận bởi vì tại Biên bản kiểm kê lập ngày 07/9/2022 đã xác định lại tại vị trí phần đất thu hồi của ông Đỗ Văn T chỉ là đất trồng lúa, đã được ông T thống nhất và ký xác nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của ông T yêu cầu xác định lại loại đất khi thu hồi là có căn cứ.

Về yêu cầu xác định lại giá đất theo giá thị trường với giá 1.500.000 đồng/m^2 để tính bồi thường, thấy rằng: Việc thu hồi đất của ông Đỗ Văn T để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất như sau: *"Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để*

bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm Quyết định thu hồi đất".

Đồng thời, khoản 1 Điều 15 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về nguyên tắc xác định giá đất cụ thể như sau: "*Căn cứ nguyên tắc định giá đất qui định tại Điều 112 của Luật đất đai, phương pháp định giá đất qui định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 4 của Nghị định này và kết quả tổng hợp phân tích thông tin về thửa đất, giá đất thị trường, Ủy ban nhân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể".*

Do đó, ngày 09/3/2023 UBND huyện U ban hành Quyết định số: 914/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Đỗ Văn T tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh cà Mau bị ảnh hưởng Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (địa bàn xã K), theo đó bồi thường, hỗ trợ cho ông T về đất; nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng, chính sách hỗ trợ với tổng số tiền là 459.815.834 đồng là có căn cứ theo quy định tại Quyết định số: 41/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh C, Quyết định số: 3010/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh C về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K là có căn cứ.

Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Văn T về việc áp giá đền bù 1.500.000 đồng/m^2 đối với diện tích đất.

[4.2] Đối với việc thu hồi đất kênh xáng lộ xe để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K, nhận thấy:

Căn cứ Quyết định số: 2682/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh C ban hành phê duyệt Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K. Ngày 24/8/2023, UBND huyện U ban hành Thông báo số: 583/TB-UBND về việc thu hồi đất (phần kênh xáng lộ xe) đối với ông Đỗ Văn T diện tích đất dự kiến thu hồi 329,8m^2 thuộc thửa 488 tờ bản đồ số 6, tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; loại đất đang sử dụng là đất giao thông công cộng (Đất kênh xáng lộ xe); Lý do thu hồi: Để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K.

Tại biên bản ngày 17/01/2024 xác định khối lượng san lấp phần đất kênh xáng lộ xe thuộc Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K đối với chủ hộ Đỗ Văn T diện tích 329,8m^2. Phần san lắp cao độ mặt 1,22m; cao độ đáy -2,0 mét; khối lượng san lắp 1.061,96m^3; hình thức san lắp bằng máy.

Ngày 26/01/2024, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 331/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ công đào đắp đối với phần kênh xáng lộ xe thuộc dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (Địa bàn xã K giai đoạn 1, đợt 4). Cùng ngày 26/01/2024, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 332/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 329,8m^2 đất (phần kênh xáng lộ xe) do ông Đỗ Văn T đang quản lý sử dụng tại thửa 488 tờ bản đồ số 6, tại ấp A; Mảnh trích đo địa chính số 40-2022 tỷ lệ 1/500 tại ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau do Công ty TNHH MTV T2 lập ngày 06/7/2022 được Sở T ký duyệt ngày 06/7/2022 loại đất giao thông công cộng, để thực hiện Dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K.

Ngày 30/01/2024, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 408/QĐ-UBND về việc hỗ trợ công đào đắp đối với phần kênh xáng lộ xe đối với ông Đỗ Văn T bị ảnh hưởng dự án đầu tư, nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (Địa bàn xã K) theo đó đã hỗ trợ công đào đắp phần kênh xáng lộ xe cho ông T với 1.061,96m^3 theo đơn giá 109.500 đồng/m^3 thành tiền là 116.284.620 đồng là có căn cứ, đúng quy định.

Ông T khởi kiện cho rằng phần kênh xáng lộ xe này thuộc đất của gia đình ông khai phá và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 nên khi Nhà nước thu hồi đất phải bồi thường giá trị đất cho ông theo giá thị trường. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện U và Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện U về việc hỗ trợ công đào đắp phần kênh xáng lộ xe đối với ông Đỗ Văn T. Xét thấy: Mặc dù, ông Đỗ Văn T đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E082486 ngày 20/5/1995 diện tích đất 14.700m^2 được UBND huyện U quyền sử dụng đất từ năm 1995. Nhưng đến năm 1997, được sự thống nhất của các hộ dân về việc các hộ dân hiến đất để Nhà nước đầu tư tuyến lộ xe U - K. Quá trình thực hiện được các bên xác định là Nhà nước dùng cơ giới đào đất để đắp nền lộ nên "Lộ xe" và "Kênh xáng" lộ xe cũng hình thành từ thời điểm này. Do đó, phần đất "Kênh xáng lộ xe" đã được người dân hiến đất để sử dụng vào mục đích giao thông, phần Kênh xáng lộ xe là phần tiếp giáp với phần lộ và được xác định là phần đất thuộc hành lang an toàn giao thông thuộc diện đất do nhà nước quản lý. Khi đo đạc theo bản đồ địa chính vào các năm 2002, 2003, 2011 và bản đồ năm 2021 để cập nhật, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính thì phần lộ xe và đất kênh xáng lộ xe được xác định là đất giao thông công cộng do Nhà nước quản lý. Tất cả các lần chỉnh lý, đo đạc lập bản đồ địa chính được thực hiện đúng theo qui định của pháp luật. Riêng hộ ông T vẫn chưa thực hiện thủ tục chỉnh lý biến động đất đai để cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặc dù, ông T được gia hạn thời gian sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E082486 ngày 20/5/1995, đến năm 2065. Nhưng việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện U đã gia hạn thời hạn sử dụng đất cho ông Đỗ Văn T là không đúng qui định của pháp luật.

Mặt khác, trong hồ sơ thể hiện vào năm 2002 và năm 2021 ông Đỗ Văn T đã 02 lần kê khai biến động đất đai và các thửa đất thì đều xác định vị trí phần đất của ông T tiếp giáp Kênh xáng lộ xe chứ không bao gồm Kênh xáng lộ xe. Điều này phù hợp với thực tế tuyến lộ U – Khánh Hội có 1.983 hộ dân bị ảnh hưởng và trong đó đã có 1.895 hộ dân đã thực hiện việc kê khai, cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các phần đất liên quan đến việc cấp đổi lại thì phần đất lộ xe và kênh xáng lộ xe được xác định là đất giao thông công cộng, không cấp quyền sử dụng đất cho các hộ dân.

Do đó, thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K thì phần đất Kênh xáng lộ xe được xác định là đất giao thông công cộng nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất. Vì vậy, UBND huyện U ban hành Quyết định số: 408/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 về việc hỗ trợ công đào đắp phần kênh xáng lộ xe đối với ông Đỗ Văn T bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (địa bàn xã K) là đúng quy định của pháp luật.

[4.3] Đối với quyết định giải quyết khiếu nại:

Do các quyết định của UBND huyện U về việc thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ do thu hồi đất đối với ông T được thực hiện đúng quy định của pháp luật nên Chủ tịch UBND huyện U ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 về việc giải quyết bác đơn khiếu nại của tập thể 40 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (Lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Ông T tiếp tục khiếu nại, do đó, Chủ tịch UBND tỉnh C ban hành Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 34 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (Lần hai) là có căn cứ.

Vì vậy, không có căn cứ để hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện U và Chủ tịch UBND tỉnh C theo yêu cầu của ông T.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Đỗ Văn T kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông T và ý kiến đề nghị của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị bác kháng cáo của ông T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với việc bồi thường giá trị căn nhà của ông Đỗ Hoài N3, bà Đỗ Hằng N2; Về việc miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông T không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 229; khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với việc rút kháng cáo của ông T đối với Quyết định số: 3679/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Đỗ Văn T.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số: 36/2025/HC-ST ngày 10/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số: 332/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND huyện U về việc thu hồi 329,8m^2 đất (Phần kênh xáng lộ xe) để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K.

- Quyết định số: 786/QĐ-UBND ngày 01/03/2024 của UBND huyện U, tỉnh Cà Mau về việc thu hồi phần đất có diện tích 401,3m^2 để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K.

- Quyết định số: 2244/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện U về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 40 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U - K (Lần đầu).

- Quyết định số: 2091/QĐ-UBND ngày 24/10/2024 của Chủ tịch U về việc giải quyết khiếu nại của tập thể 34 hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường U -K (Lần hai).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

4. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về việc đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T đối với việc bồi thường giá trị căn nhà của ông Đỗ Hoài N3, bà Đỗ Hằng N2; về việc miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Đỗ Văn T không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)